

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-PT
Ngày 11-9-2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Nguyệt

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 12-6-2025 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2025/QĐ-PT ngày 27-8-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Hà Văn T; cư trú tại: Thôn B-Bản M, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Hà Văn T:
Bà Nguyễn Thị Trung V, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

2. Ông Hà Văn C; cư trú tại: Thôn B-Bản M, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hà Văn C:
Bà Phạm Thị T1, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

3. Ông Hà Văn Q; cư trú tại: Thôn B-Bản M, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hà Văn Q:
Bà Bạch Ánh T2, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị T3; cư trú tại: Thôn T-P, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T-P, xã L, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Duy K; địa chỉ: Số E, đường T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là số E, đường T, phường T, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn).

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn L - Chuyên viên Phòng Kinh tế xã L; vắng mặt.

2. Bà Chu Thị T4; có mặt.

3. Ông Hà Văn P; vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị Đ; có mặt.

5. Bà Hoàng Thị T5; vắng mặt.

6. Bà Hà Thị N; vắng mặt.

7. Anh Hà Văn Q1; vắng mặt.

8. Bà Vi Thị B; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B-Bản M, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn);

9. Ông Trần Văn D; vắng mặt.

10. Ông Trần Văn T6; vắng mặt.

11. Ông Trần Văn A; vắng mặt.

12. Ông Trần Văn S; vắng mặt.

13. Bà Trần Thị N1; vắng mặt.

14. Bà Bé Thị D1; vắng mặt.

15. Bà Vi Thị B1; vắng mặt.

16. Bà Lê Thị T7; vắng mặt.

17. Bà Hoàng Thị N2; vắng mặt.

18. Bà Vi Thị N3; vắng mặt.

19. Bà Bé Thị Ú; vắng mặt.

20. Bà Nông Thị B2; vắng mặt.

21. Bà Vi Thị B3; vắng mặt.
22. Bà Lý Thị T8; vắng mặt.
23. Bà Tàng Thị V1; vắng mặt.
24. Bà Trần Thị B4; vắng mặt.
25. Bà Nông Thị L1; vắng mặt.
26. Bà Hoàng Thị T9; vắng mặt.
27. Bà Hoàng Thị H; vắng mặt.
28. Bà Hoàng Thị K1; vắng mặt.
29. Bà Hà Thị N4; vắng mặt.
30. Ông Nguyễn Văn L2; vắng mặt.
31. Ông Trần Văn P1; vắng mặt.
32. Ông Trần Văn T10; vắng mặt.
33. Bà Đinh Thị S1; vắng mặt.
34. Ông Trần Ngọc H1; vắng mặt.
35. Bà Nông Thị B2; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T-P, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T-P, xã L, tỉnh Lạng Sơn).

- *Người kháng cáo*: Bà Hà Thị T3, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18-01-2025 thể hiện như sau: Đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q, anh Hà Văn T với bị đơn bà Hà Thị T3 có địa danh là Khẩu M- Đ, thôn Bản C1 - Bản Miàng, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn).

Đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hà Văn C và bị đơn bà Hà Thị T3 có diện tích 26.377,3m² thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (ký hiệu thửa tạm 308.1), theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Tài sản trên đất gồm có: 483 cây thông đường kính gốc dưới 5cm, 52 cây thông đường kính gốc từ 21cm đến 30cm, 48 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 30 cây sau sau đường kính gốc từ 11cm đến 20cm.

Đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hà Văn Q và bị đơn bà Hà Thị T3 có diện tích là 43.498,9m² thuộc một phần thửa đất số 308 (ký hiệu thửa tạm 308.2), theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Tài sản trên đất gồm có: 115 cây thông đường kính gốc dưới 5cm, 256 cây thông đường kính gốc từ 10cm đến 20cm, 175 cây thông đường kính gốc từ 21cm đến 30cm, 31 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 25 cây sau sau đường kính gốc từ 11cm đến 20cm.

Đất tranh chấp giữa nguyên đơn anh Hà Văn T và bị đơn bà Hà Thị T3 có tổng diện tích 39.456,2m² thuộc một phần thửa đất số 308, trong đó có 5.256,2m² (ký hiệu thửa tạm 308.3) và 34.200m² (ký hiệu thửa tạm 308.4), theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Tài sản trên đất gồm có 65 cây thông đường kính gốc từ 15cm - 20cm.

Tại Trích đo khu đất tranh chấp số 07-2025 của Công ty cổ phần T12 chi nhánh L4 thể hiện:

Đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hà Văn C và bị đơn bà Hà Thị T3 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ qua chồng ghép với Mảnh Trích đo số 89-2023 ngày 02-8-2023 Công ty Cổ phần T13 Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp không trùng khớp, chỉ có diện tích tranh chấp 23.619,1m² là trùng khớp.

Đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hà Văn Q và bị đơn bà Hà Thị T3 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ qua chồng ghép với Mảnh Trích đo số 89-2023 ngày 02-8-2023 Công ty Cổ phần T13 Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp không trùng khớp, chỉ có diện tích tranh chấp 39.958,4m² là trùng khớp.

Đất tranh chấp giữa nguyên đơn anh Hà Văn T và bị đơn bà Hà Thị T3 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ qua chồng ghép với Mảnh Trích đo số 89-2023 ngày 02-8-2023 Công ty Cổ phần T13 Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp không trùng khớp, chỉ có diện tích tranh chấp 33.915m² là trùng khớp.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hà Văn C rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 2.758,2m² thuộc một phần thửa đất số 308 và sở hữu tài sản trên diện tích đất 16 cây thông đường kính gốc trên 30cm, do không có tranh chấp với bị đơn bà Hà Thị T3; yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích là 23.619,1m² thuộc thửa đất số 308 và được sở hữu tài sản trên đất; đề nghị giải quyết chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Hà Văn Q rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 20,9m², diện tích 123,9m², 3.395,7m² cùng thuộc một phần thửa đất số 308, trên đất không có tài sản gì, do không có tranh chấp với bị đơn bà Hà Thị T3; yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích là 39.958,4m² (ký hiệu thửa tạm 308.2) thuộc một phần thửa đất số 308 và được sở hữu tài sản trên đất; đề nghị giải quyết chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Hà Văn T rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 4.013,5m² thuộc một phần thửa đất số 308 và sở hữu tài sản trên diện tích đất 29 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm; rút yêu cầu khởi kiện đối với 1.527,7m² thuộc một phần thửa đất số 308 và sở hữu tài sản trên diện tích đất 53 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm, do không có tranh chấp với bị đơn bà Hà Thị T3; yêu cầu được quản lý, sử dụng: 3.728,5m² (ký hiệu thửa tạm 308.3) thuộc thửa đất số 308 và được sở hữu tài sản trên đất và 30.186,5m² (ký hiệu thửa tạm 308.4) thuộc thửa đất số 308 và được sở hữu tài sản trên đất; đề nghị giải quyết chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày: Đất tranh chấp là do ông cha để lại cho gia đình nguyên đơn ông Hà Văn T. Ông bà nội của anh Hà Văn T trồng lúa nương, trồng sắn, gieo mạ từ những năm 1920, đến khoảng năm 1981 thì giao lại cho bố mẹ nguyên đơn là ông Hà Văn P và bà Hoàng Thị Đ tiếp tục trồng lúa nương, trồng sắn. Từ năm 2010 đến năm 2012, anh Hà Văn T và bố mẹ trồng khoảng 500 cây thông con nhưng cây thông không sống hết. Hằng năm gia đình vẫn chăm sóc, tỉa cành các cây thông, phát quang bụi rậm, phát đường đi vào ruộng. Sau đó, ông Hà Văn P và bà Hoàng Thị Đ giao cho vợ chồng anh Hà Văn T và chị Hoàng Thị T5 quản lý, sử dụng và sở hữu các cây thông, cây tạp trên đất. Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2022, gia đình anh phát hiện một số người dân thôn T - Pò Nhàng lấn chiếm đất, mang cây thông con đến đất tranh chấp để trồng. Anh đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã S giải quyết tranh chấp với các hộ dân thôn T - P nhưng không thành.

Đến cuối năm 2023, các nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn T được UBND xã S thông báo việc bà Hà Thị T3 đã tự ý mời công ty đo đạc đo đất rừng ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q, anh Hà Văn T và đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích khoảng 97.709m² thuộc một phần thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 (nay là 238), bản đồ địa chính xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ đất tại: Đồi Khẩu Muối - Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đất do gia đình các nguyên đơn đang quản lý, sử dụng. Tranh chấp đất đai giữa các nguyên đơn và bị đơn bà Hà Thị T3 đã được U nhưng không thành.

Bị đơn bà Hà Thị T3 và người đại diện theo uỷ quyền là ông Phạm Duy K trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Hà Văn Q, ông Hà Văn C, anh Hà Văn T và trình bày như sau: Đất tranh chấp có nguồn gốc là do ông cha của chồng bà Hà Thị T3 để lại từ rất lâu, bà không nhớ rõ thời điểm vợ chồng bà được gia đình cho sử dụng đất. Bà Hà Thị Tuyết N5 có được cùng người dân thôn T – Pò Nhàng chăn thả trâu bò trên đất đồi Đông Lạn này. Khi đi chăn thả trâu bò thì bà Hà Thị T3 có được nhặt các cây thông con để trồng trên đất, bà cũng trồng cây vầu và một số cây khác, trồng qua nhiều năm, không nhớ là trồng cụ thể năm nào. Việc bà Hà Thị T3 cùng người dân thôn T - P chăn thả trâu bò nhưng bà Hà Thị T3 thì trồng thông, trồng vầu thì không có tranh chấp gì với nhau. Năm 2022, người dân thôn T - P phát sinh tranh chấp với nguyên đơn ông Hà Văn Q, ông Hà Văn C, anh Hà Văn T thì bà không có ý kiến gì. Bản thân bà Hà Thị T3 không tranh chấp đất với ai nên năm 2023 bà Hà Thị T3 đã uỷ quyền cho ông Phạm Duy K thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: Tháng 8/2023, bà Hà Thị T3 đã yêu cầu Công ty Cổ phần T13 Lạng Sơn tiến hành đo đạc khu đất có diện tích 97.709m² thuộc thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, địa danh, địa chỉ: Đồi Đ, thôn T - P, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Mảnh Trích đo số 89-2023 ngày 02/8/2023. Việc đo đạc thực hiện theo sự dẫn dắt của bà Hà Thị Tuyết . Sau đó, Công ty Cổ phần T13 Lạng Sơn thực hiện gửi toàn bộ hồ sơ đo đạc (gồm văn bản, file tài liệu) cho Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để thẩm tra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía các nguyên đơn ông Hà Văn Q, ông Hà Văn C, anh Hà Văn T là bà Chu Thị T4, ông Hà Văn P, bà Hoàng Thị Đ, chị Hoàng Thị T5, bà Hà Thị N, anh Hà Văn Q1, chị Vi Thị B cùng ý kiến, yêu cầu với các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là ông Trần Văn D, ông Trần Văn T6, ông Trần Văn A, ông Trần Văn S, bà Trần Thị N1, bà Bé Thị D1, bà Vi Thị B1, bà Lê Thị T7, bà Hoàng Thị N2, bà Vi Thị N3, bà Bé Thị Ú, bà Nông Thị B2, bà Vi Thị B3, bà Lý Thị T8, bà Tàng Thị V1, bà Trần Thị B4, bà Nông Thị L1, bà Hoàng Thị T9, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị K1, bà Hà Thị N4, ông Nguyễn Văn L2, ông Trần Văn P1, ông Trần Văn T10, bà Đinh Thị S1, ông Trần Ngọc H1, bà Nông Thị B2 cùng ý kiến, yêu cầu với bị đơn. Họ đều không có yêu cầu độc lập và đều xin giải quyết vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã S (nay là UBND xã L) cho biết: Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện quy chủ UBND xã, có thể được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định. UBND xã S được quy chủ quản lý, sử dụng thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S nhưng thực tế đất là do các hộ gia đình sử dụng, UBND xã S không có yêu cầu quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Quá trình các hộ dân sử dụng đất có xảy ra tranh chấp năm 2022 giữa các nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn T với những người dân thôn T - P, năm 2023 thì bà Hà Thị T3 kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp này nhưng không được cấp Giấy chứng nhận do đất đang có tranh chấp.

Tại biên bản xác minh ngày 20-3-2025 và biên bản xác minh ngày 22-4-2025 với trưởng thôn Tà L3 - Pò Nhàng thể hiện: Đất tranh chấp giữa các nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn T với bị đơn bà Hà Thị T3 hiện nay đã xảy ra tranh chấp vào năm 2022 giữa các nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn T với những người dân thôn T - P. Năm 2023, bị đơn bà Hà Thị T3 uỷ quyền cho ông Phạm Duy K thực hiện thủ tục đo đạc, đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đo đạc bà Hà Thị T3 và những người có đất giáp ranh không có mặt nhưng trưởng thôn có mặt để dẫn đạc, sau đó đưa bản sơ họa cho những người có đất giáp ranh ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 12-6-2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án số 01/2025/QĐ-SCBSBA ngày 08-7-2025 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn) đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất
- 1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn C.

Nguyên đơn ông Hà Văn C và bà Hà Thị N được quản lý, sử dụng diện tích đất là 23.619,1m² (ký hiệu thửa tạm 308.1) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 483 cây thông đường kính gốc dưới 5cm, 52 cây thông đường kính gốc từ 21cm đến 30cm, 32 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 30 cây sau sau đường kính gốc từ 11cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A22-C3-C2-C1 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Q.

Nguyên đơn ông Hà Văn Q bà Vi Thị B được quản lý, sử dụng diện tích đất là 39.958,4m² (ký hiệu thửa tạm 308.2) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 115 cây thông đường kính gốc dưới 5cm, 256 cây thông đường kính gốc từ 10cm đến 20cm, 175 cây thông đường kính gốc từ 21cm đến 30cm, 31 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 25 cây sau sau đường kính gốc từ 11cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A4-A5-A28-A27-C17-C16-C15-C14-C13-A10-A13-C12-A14-A15-C10-C9-C8-C7-C6-C5-C4-A22 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

1.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn T.

Nguyên đơn anh Hà Văn T chị Hoàng Thị T5 được quản lý, sử dụng diện tích đất là 3.728,5m² (ký hiệu thửa tạm 308.3) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 132 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A14-A15-C10-C11-C12 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

Nguyên đơn anh Hà Văn T chị Hoàng Thị T5 được quản lý, sử dụng diện tích đất là 30.186,5m² (ký hiệu thửa tạm 308.4) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 36 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A5-A6-A7-C22-C21-C20-C19-C18-C17-A27-A28 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

1.4. Các nguyên đơn ông Hà Văn Q, ông Hà Văn C, anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cụ thể:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn C đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 2.758,2m² thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu tài sản trên đất là 16 cây thông đường kính gốc trên 30cm; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A26-A25-A24-A23-C3-C2-C1 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Q đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 20,9m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A12-C13-C14 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án), diện tích 123,9m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A11-C16-C17 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án), diện tích 3.395,7m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A16-A17-A18-A19-A20-A21-C4-C5-C6-C7-C8-C9-C10 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án) cùng thuộc một phần thửa đất thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất không có tài sản gì; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn T đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.527,7m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A13-A16-C10-C11 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án, tài sản trên đất gồm có: 53 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm) và diện tích 4.013,5m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A11-A10-A9-A8-C22-C21-C20-C19-C18-C17 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án, tài sản trên đất gồm có: 29 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm), cùng thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử do nguyên đơn rút yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Hà Thị T3 kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo bao gồm: Nguyên đơn không có chứng cứ xác thực để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ pháp lý. Tòa án chỉ dựa vào lời khai của nguyên đơn để công nhận quyền sở hữu cây là vi phạm nguyên tắc tố tụng. Lời khai của ông Vi Văn H2 không đủ căn cứ để xác định nguồn gốc sử dụng đất của nguyên đơn. Bản dịch từ chữ Hán Nôm sang tiếng Việt do nguyên đơn cung cấp không đảm bảo điều kiện về chứng cứ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh

quyền sở hữu cây trồng. Bị đơn có cơ sở thực tiễn vững chắc để xác lập quyền sở hữu cây trồng. Tòa án bác bỏ phần lớn lời khai của bị đơn là thiếu căn cứ. Bị đơn cung cấp Mảnh trích đo nhưng không được nhìn nhận. Bị đơn không tham gia đo đạc, kiểm đếm không thể coi là từ bỏ quyền lợi. Chi phí tố tụng có dấu hiệu không minh bạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Duy K là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn rút kháng cáo về yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Về chi phí tố tụng, có ý kiến thoả thuận đề nghị các nguyên đơn chịu chi phí tố tụng thay bị đơn bà Hà Thị T3, do bà T3 là người cao tuổi và không có thu nhập ổn định.

Nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q, anh Hà Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa bà Chu Thị T4, bà Hoàng Thị Đ đều nhất trí với yêu cầu rút kháng cáo của phía bị đơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Hà Thị T3 và các nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q, anh Hà Văn T tự nguyện thoả thuận về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và đề nghị Tòa án công nhận, cụ thể: Nguyên đơn ông Hà Văn C tự nguyện chịu 11.251.000 đồng chi phí tố tụng thay bà Hà Thị Tuyết . Nguyên đơn ông Hà Văn Q tự nguyện chịu 11.542.000 đồng chi phí tố tụng thay bà Hà Thị Tuyết . Nguyên đơn anh Hà Văn T tự nguyện chịu 15.534.000 đồng chi phí tố tụng thay bà Hà Thị Tuyết . Bị đơn bà Hà Thị T3 không phải hoàn trả chi phí tố tụng cho các nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Hà Văn C, anh Hà Văn T đều đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn và sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại phiên tòa, người kháng cáo tự nguyện rút kháng cáo và các đương sự tự thoả thuận về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Thấy rằng, việc rút kháng cáo của phía bị đơn và việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 289, khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T3, công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất, có đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Hà Thị T3 kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn rút kháng cáo về yêu cầu huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm. Xét thấy, việc rút kháng cáo là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết kháng cáo về yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm của bị đơn.

[3] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Hà Thị T3 và các nguyên đơn ông Hà Văn C, ông Hà Văn Q, anh Hà Văn T tự nguyện thoả thuận về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và đề nghị Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể: Nguyên đơn ông Hà Văn C tự nguyện chịu 11.251.000 đồng chi phí tố tụng thay bà Hà Thị Tuyết . Nguyên đơn ông Hà Văn Q tự nguyện chịu 11.542.000 đồng chi phí tố tụng thay bà Hà Thị Tuyết . Nguyên đơn anh Hà Văn T tự nguyện chịu 15.534.000 đồng chi phí tố tụng thay bà Hà Thị Tuyết . Bị đơn bà Hà Thị T3 không phải hoàn trả chi phí tố tụng cho các nguyên đơn. Xét thấy, việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng như nội dung nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hà Thị T3 thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Hà Văn C, anh Hà Văn T là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T3 về việc yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 12-6-2025 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn), cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 5, 23, 25, 26, 31, 131, 133, 135, 236 Luật đất đai 2024;

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn C.

Nguyên đơn ông Hà Văn C và bà Hà Thị N được quản lý, sử dụng diện tích đất là 23.619,1m² (ký hiệu thửa tạm 308.1) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 483 cây thông đường kính gốc dưới 5cm, 52 cây thông đường kính gốc từ 21cm đến 30cm, 32 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 30 cây sau sau đường kính gốc từ 11cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A22-C3-C2-C1 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Q.

Nguyên đơn ông Hà Văn Q và bà Vi Thị B được quản lý, sử dụng diện tích đất là 39.958,4m² (ký hiệu thửa tạm 308.2) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 115 cây thông đường kính gốc dưới 5cm, 256 cây thông đường kính gốc từ 10cm đến 20cm, 175 cây thông đường kính gốc từ 21cm đến 30cm, 31 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 25 cây sau sau đường kính gốc từ 11cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A4-A5-A28-A27-C17-C16-C15-C14-C13-A10-A13-C12-A14-A15-C10-C9-C8-C7-C6-C5-C4-A22 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

1.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn T.

Nguyên đơn anh Hà Văn T chị Hoàng Thị T5 được quản lý, sử dụng diện tích đất là 3.728,5m² (ký hiệu thửa tạm 308.3) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích

sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 132 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K-Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A14-A15-C10-C11-C12 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

Nguyên đơn anh Hà Văn T chị Hoàng Thị T5 được quản lý, sử dụng diện tích đất là 30.186,5m² (ký hiệu thửa tạm 308.4) thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; được sở hữu tài sản trên đất gồm 36 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm; địa chỉ: Đồi K-Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A5-A6-A7-C22-C21-C20-C19-C18-C17-A27-A28 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

1.4. Các nguyên đơn ông Hà Văn Q, ông Hà Văn C, anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn C đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 2.758,2m² thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu tài sản trên đất là 16 cây thông đường kính gốc trên 30cm; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; địa chỉ: Đồi K-Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A26-A25-A24-A23-C3-C2-C1 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Q đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 20,9m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A12-C13-C14 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án), diện tích 123,9m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A11-C16-C17 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án), diện tích 3.395,7m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A16-A17-A18-A19-A20-A21-C4-C5-C6-C7-C8-C9-C10 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án) cùng thuộc một phần thửa đất thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất không có tài sản gì; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; địa chỉ: Đồi K-Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

2.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn T đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.527,7m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A13-A16-C10-C11 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án, tài sản trên đất gồm có: 53 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến 20cm) và diện tích 4.013,5m² (Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A11-A10-A9-A8-C22-C21-C20-C19-C18-C17 thể hiện tại phụ lục kèm theo bản án, tài sản trên đất gồm có: 29 cây thông đường kính gốc từ 15cm đến

20cm), cùng thuộc một phần thửa đất số 308 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RSK); quy chủ UBND xã S; địa chỉ: Đồi K- Đ, thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử do nguyên đơn rút yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, cụ thể:

3.1. Nguyên đơn ông Hà Văn C phải chịu chi phí tố tụng là 1.314.000 đồng. Bị đơn bà Hà Thị T3 phải chịu chi phí tố tụng là 11.251.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn C được chấp nhận. Ông Hà Văn C tự nguyện chịu chi phí tố tụng thay bà Hà Thị T3 với số tiền là 11.251.000 đồng. Xác nhận ông Hà Văn C đã nộp đủ chi phí tố tụng, bà Hà Thị T3 không phải hoàn trả chi phí tố tụng cho ông Hà Văn C.

3.2. Nguyên đơn ông Hà Văn Q phải chịu chi phí tố tụng là 1.023.000 đồng. Bị đơn bà Hà Thị T3 phải chịu chi phí tố tụng là 11.542.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn Q được chấp nhận. Ông Hà Văn Q tự nguyện chịu chi phí tố tụng thay bà Hà Thị T3 với số tiền là 11.542.000 đồng. Xác nhận ông Hà Văn Q đã nộp đủ chi phí tố tụng, bà Hà Thị T3 không phải hoàn trả chi phí tố tụng cho ông Hà Văn Q.

3.3. Nguyên đơn anh Hà Văn T phải chịu chi phí tố tụng là 2.538.000 đồng. Bị đơn bà Hà Thị T3 phải chịu chi phí tố tụng là 15.534.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn T được chấp nhận. Anh Hà Văn T tự nguyện chịu chi phí tố tụng thay bà Hà Thị T3 với số tiền là 15.534.000 đồng. Xác nhận anh Hà Văn T đã nộp đủ chi phí tố tụng, bà Hà Thị T3 không phải hoàn trả chi phí tố tụng cho anh Hà Văn T.

III. Về án phí

1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hà Thị T3 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Hà Thị T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm, TANDTC tại HN;
- Viện phúc thẩm, VKSNDTC tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTG khác;
- Lưu: HS, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

